TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23- 4 -2020
Về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH-TỈNH BÌNH PHƯỚC

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Đính

2. Ông Nguyễn Việt Thành

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Thị Hạnh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- ***Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Toản - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 23 tháng 04 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 13/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2020, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXX-ST ngày 01/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị G, sinh năm: 1979 (Vắng mặt);

2. *Bị đơn:* Ông Vũ Huỳnh H, sinh năm: 1977 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 03, ấp 02, thị trấn C, huyện Chơn T, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 06 tháng 01 năm 2020, quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị G trình bày:

Bà Lê Thị G và ông Vũ Huỳnh H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại: Tổ 03, ấp 02, thị trấn Chơn T, huyện Chơn T, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng qua điểm sống, bà G đi làm ăn xa, lâu lâu mới về thăm nhà, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay.

Nay bà G xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên xin được ly hôn với ông Vũ Huỳnh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà G và ông H chung sống với nhau có 02 con chung Vũ Huỳnh Đăng N, sinh năm: 2006 và Vũ Huỳnh Minh Ng, sinh năm: 2011. Nay ly hôn, bà G đồng ý G hai con chung cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết, để vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có nên bà G không yêu cầu giải quyết.

Bà G có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt.

Bị đơn ông Vũ Huỳnh H trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Về hôn nhân: Ông H thống nhất với trình bày của bà G về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn. Theo ông H nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bà G đi làm ăn xa, lâu lâu mới về thăm nhà. Vì làm ăn thất bại nên vợ chồng có bất đồng, cải vã nhau. Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 10/01/2020, ông H không đồng ý ly hôn muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung. Nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 30/3/2020 ông H đồng ý ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, bà G cương quyết ly hôn nên vợ chồng không thể về chung sống đoàn tụ được.

Về con chung: Ông H thống nhất vợ chồng có 02 con chung như bà G trình bày trong đơn khởi kiện. Ông H đồng ý trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông H cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết, để vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Ông H có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt và đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Việc chấp hành theo quy định của pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS;

Về việc chấp hành theo quy đinh pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm;

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1, điều 28, điểm a, khoản 1, điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điều 9, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27, Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho bà G được ly hôn với ông H, G 02 con chung cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Bà G phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* do nguyên đơn bà Lê Thị G khởi kiện đối với bị đơn ông Vũ Huỳnh H có nơi cư trú tại: Tổ 03, ấp 2, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[2].Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị G, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1].Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị G và ông Vũ Huỳnh H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Việc kết hôn là do hai người hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, đe dọa, lừa dối. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống thì bà G và ông H phát sinh mâu thuẫn không hoà giải được. Nguyên nhân mâu thuẫn được bà G xác định do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cải vã nhau về vấn đề kinh tế. Ông H cho rằng do bà G đi làm ăn xa, lâu lâu mới về thăm nhà, vì vợ chồng làm ăn thất bại nên thường cải vã nhau. Theo xác minh tại ban ấp 02, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước thì vợ chồng bà G, ông H không có đơn ly hôn gửi Ban ấp nên Ban ấp không biết nguyên nhân họ mâu thuẫn là gì. Vài năm gần đây, bà G không thường xuyên sinh sống tại địa phương chỉ có ông H cùng 02 con chung của vợ chồng cư trú tại địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà G và ông H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Bà G yêu cầu ly hôn, ông H sau thời gian suy nghĩ, nếu kéo nhưng không thành cũng đã đồng ý ly hôn nhưng do các đương sự đều có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt nên Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự. Cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị G, cho bà G được ly hôn với ông Vũ Huỳnh H.

[2.2].Về con chung: Bà G và ông H chung sống với nhau có 02 con chung Vũ Huỳnh Đăng N, sinh năm: 2006 và Vũ Huỳnh Minh Ng, sinh năm: 2011. Nay ly hôn, bà G đồng ý G hai con chung cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H cũng thống nhất yêu cầu của bà G, ông H trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi con. Hai con chung của bà G, ông H (đều trên 7 tuổi) đều có nguyện vọng được sống với cha nếu cha mẹ ly hôn. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, G 02 con chung tên Vũ Huỳnh Đăng N, sinh năm: 2006 và Vũ Huỳnh Minh N, sinh năm: 2011cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[2.3].Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung không nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4].Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do bà G là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 264, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị G.

- Về quan hệ hôn nhân*:* Cho bà Lê Thị G được ly hôn với ông Vũ Huỳnh H.

- Về con chung: G hai con chung tên Vũ Huỳnh Đăng N, sinh năm: 2006 và Vũ Huỳnh Minh N, sinh năm: 2011 cho ông Vũ Huỳnh H trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị G phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0004000 ngày 09/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh – VKSND tỉnh;*
- *VKSND huyện Chơn Thành;*
- *Cơ quan THADS huyện Chơn Thành;*
- *UBND TT Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Võ Văn Vân